

Dự thảo 16

THÔNG TƯ

Quy định việc kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y Tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư Quy định việc kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định phương thức kiểm tra, tổ chức kiểm tra, trình tự, thủ tục kiểm tra, phí kiểm tra, trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan trong quá trình tiến hành kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ vật liệu bao gói (sau đây gọi tắt là sản phẩm thực phẩm) nhập khẩu, xuất khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế được quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT/BYT-BNNPTNN-BCT ngày 09/4/2014 và các lô hàng nhập khẩu nhiều loại thực phẩm quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu*: là các tổ chức được Bộ Y tế chỉ định để thực hiện việc kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu (sau đây gọi chung là tổ chức kiểm tra).

2. *Chủ hàng*: là các tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm. Các tổ chức, cá nhân này là thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa trong các hồ sơ công bố hoặc được thương nhân này ủy quyền làm công việc xuất nhập khẩu.

3. *Mặt hàng*: là các sản phẩm trong cùng một chuyến hàng nhập khẩu có cùng: tên, nhãn hiệu hàng hoá, cơ sở sản xuất hàng hoá, chất liệu bao bì.

4. *Lô hàng*: là toàn bộ sản phẩm thực phẩm của một chuyến hàng nhập khẩu, có thể chỉ có một mặt hàng hay nhiều mặt hàng.

Điều 3. Điều kiện đối với sản phẩm thực phẩm nhập khẩu:

Sản phẩm thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các điều kiện sau đây:

1. Được Cục An toàn thực phẩm cấp một trong các giấy tờ sau:

a) “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy”;

b) “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm”;

c) “Công văn xác nhận danh mục nguyên liệu thực phẩm/ bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ phụ gia thực phẩm/chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp”;

d) “Công văn xác nhận danh mục sản phẩm thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm kinh doanh trong siêu thị, khách sạn bốn sao trở lên”.

2. Phải được kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm tại tổ chức kiểm tra và được Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, thành phố được chỉ định cấp “Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu”.

Điều 4. Đối tượng kiểm tra

1. Các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu được quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư này.

2. Riêng đối với các sản phẩm được miễn kiểm tra quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm cần có thêm các điều kiện như sau:

a) Thực phẩm là mẫu thử nghiệm hoặc nghiên cứu: số lượng nhập về phải theo đúng Đề cương thử nghiệm, Đề tài nghiên cứu đã được phê duyệt hoặc số lượng mẫu cần để thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng phục vụ việc công bố sản phẩm trước khi nhập khẩu.

b) Thực phẩm là mẫu trưng bày hội chợ, triển lãm: phải có giấy tờ xác nhận việc tham gia hội chợ, triển lãm và có số lượng đúng theo số lượng được trưng bày khi tham gia hội chợ, triển lãm.

Điều 5. Căn cứ đối chiếu kết quả kiểm tra

1. “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy” hoặc “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” kèm theo Hồ sơ công bố sản phẩm tương ứng hoặc “Công văn xác nhận danh mục nguyên liệu thực phẩm/ bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ phụ gia thực phẩm/chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp” hoặc “Công văn xác nhận danh mục sản phẩm thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm kinh doanh trong siêu thị, khách sạn bốn sao trở lên”.

2. Các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam và quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm, ghi nhãn hàng hóa.

Chương II

PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA VÀ TỔ CHỨC KIỂM TRA

Điều 6. Phương thức kiểm tra thông thường

1. Kiểm tra thông thường là kiểm tra hồ sơ và lấy mẫu đại diện để kiểm tra cảm quan, ghi nhãn, tình trạng bao gói, tình trạng bảo quản đặc biệt (nếu có) 100% mặt hàng. Khi phát hiện có dấu hiệu nghi ngờ, cơ quan kiểm tra lấy đủ mẫu để lựa chọn nhóm và số chỉ tiêu cần kiểm nghiệm (dựa theo bản chất thành phần cấu tạo của sản phẩm, lịch sử chất lượng mặt hàng, lịch sử nhập khẩu của chủ hàng và vùng, lãnh thổ xuất xứ, hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng).

2. Nếu kết quả kiểm tra mặt hàng/lô hàng không đạt yêu cầu, thì các mặt hàng/lô hàng này nhập về trong lần kế tiếp sau đó sẽ phải thực hiện theo phương thức kiểm tra chặt.

Điều 7. Phương thức kiểm tra chặt

1. Đối với mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu lần trước đó: là việc lấy mẫu đủ để kiểm nghiệm các nhóm chỉ tiêu trong hồ sơ công bố cho những mặt hàng không đạt đó.

2. Đối với trường hợp có cảnh báo của Cục An toàn thực phẩm; Bộ Y tế hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất: là kiểm tra theo phương thức thông thường và kiểm nghiệm chỉ tiêu được cảnh báo hoặc yêu cầu cung cấp phiếu kết quả kiểm nghiệm đối với các chỉ tiêu có cảnh báo của phòng kiểm nghiệm được công nhận, thừa nhận bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước xuất khẩu.

3. Trường hợp kiểm tra liên tiếp hai (02) lần mặt hàng/lô hàng theo phương thức kiểm tra chặt có kết quả đạt yêu cầu nhập khẩu thì mặt hàng/lô hàng đó trong lần nhập khẩu tiếp theo được áp dụng phương thức kiểm tra thông thường quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Điều 8. Phương thức kiểm tra giảm

1. Kiểm tra giảm là hình thức chỉ kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm tra quy định như sau:

a) Sản phẩm nhập khẩu đã được tổ chức có thẩm quyền của nước ký kết Điều ước quốc tế thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam trong hoạt động kiểm tra chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm xác nhận đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm.

b) Các mặt hàng đã được kiểm tra 5 lần liên tiếp tại thời điểm khác nhau trong một năm theo phương thức kiểm tra thông thường đạt yêu cầu nhập khẩu.

2. Sản phẩm thuộc phương thức kiểm tra này chỉ phải kiểm tra theo phương thức Kiểm tra thông thường một lần bất kỳ trong số các lần nhập khẩu trong vòng một năm đối với cùng một loại mặt hàng, của cùng một chủ hàng.

3. Sau một năm kể từ ngày thực hiện phương thức kiểm tra giảm, Cục An toàn thực phẩm tiếp tục cho phép thực hiện phương thức kiểm tra giảm khi chủ hàng trình

các kết quả kiểm tra định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 9. Tổ chức kiểm tra được chỉ định

1. Các tổ chức kiểm tra đã được Cục An toàn thực phẩm chỉ định.
2. Đối với những sản phẩm thực phẩm khi có cảnh báo của quốc tế, cảnh báo từ các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hoặc trong nước về nguy cơ đến người tiêu dùng hoặc những sản phẩm thực phẩm sử dụng công nghệ mới lần đầu tiên lưu hành trên thị trường Việt Nam, Bộ Y tế sẽ có văn bản yêu cầu những doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm thực phẩm thuộc diện nêu trên chỉ được đăng ký kiểm tra ở các tổ chức kiểm tra do Bộ Y tế chỉ định cụ thể.

Chương III

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC KIỂM TRA

Điều 10. Hồ sơ đăng ký kiểm tra

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:
 - a) Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm theo mẫu được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy” hoặc “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” kèm theo Bản thông tin chi tiết của sản phẩm hoặc “Công văn xác nhận danh mục nguyên liệu thực phẩm/ bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ phụ gia thực phẩm/chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp” hoặc “Công văn xác nhận danh mục sản phẩm thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm kinh doanh trong siêu thị, khách sạn bốn sao trở lên” (Bản sao công chứng; hoặc Bản sao có dấu xác nhận của công ty kèm bản gốc để đối chiếu; hoặc bản lấy trên mạng trực tuyến có đóng dấu của công ty)
 - c) Bộ hồ sơ làm thủ tục hải quan theo quy định;
 - d) Các giấy tờ cần thiết liên quan để được áp dụng phương thức kiểm tra giảm (nếu có).

Điều 11. Trình tự, thủ tục kiểm tra

1. Ít nhất 01 ngày làm việc trước khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng đăng ký kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm tại điểm tiếp nhận Hải quan một cửa theo mẫu tại phụ lục 1 Thông tư này.
2. Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đăng ký kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm của chủ hàng, Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh/thành phố được chỉ định tiến hành xem xét và xử lý theo các trường hợp sau:
 - a) Mặt hàng/lô hàng thuộc diện kiểm tra theo phương thức kiểm tra giảm sẽ được Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, thành phố được chỉ định tiến hành kiểm tra theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này. Trong vòng hai ngày làm việc, Cấp thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu theo mẫu tại phụ lục 2 của Thông tư này.

b) Mặt hàng/lô hàng thuộc diện kiểm tra theo phương thức thông thường và phương thức kiểm tra chặt, Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh/thành phố được chỉ định tiến hành phân công đến một trong các tổ chức kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra nhà nước:

- Trong 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày hàng về đến cảng, tổ chức kiểm tra tiến hành lấy mẫu và kiểm tra theo đúng quy định tại Điều 6 của Thông tư này và báo cáo kết quả về Cục theo mẫu tại phụ lục 3 Thông tư này.

- Trong 08 (tám) ngày làm việc, tổ chức kiểm tra tiến hành lấy mẫu, kiểm tra theo đúng quy định tại Điều 7 của Thông tư này và báo cáo kết quả về Cục theo mẫu tại phụ lục 3 Thông tư này.

3. Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh/thành phố được chỉ định xem xét hồ sơ của tổ chức kiểm tra gửi đến, cấp “Thông báo kết quả xác nhận lô hàng đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu” trong vòng 02 ngày làm việc kể từ lúc nhận được kết quả kiểm tra của các tổ chức kiểm tra, trừ trường hợp có yêu cầu kiểm nghiệm lại theo mẫu tại phụ lục 2 Thông tư này.

Điều 12. Kết luận sau khi kiểm tra

1. Nếu các mặt hàng trong cùng lô hàng nhập khẩu đều đạt yêu cầu kiểm tra theo quy định, Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, thành phố được chỉ định cấp “Thông báo kết quả xác nhận lô hàng đạt yêu cầu nhập khẩu” cho cả lô hàng theo mẫu tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

2. Nếu một mặt hàng hoặc một số mặt hàng trong lô hàng nhập khẩu không đạt yêu cầu nhập khẩu theo quy định, Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, thành phố được chỉ định gửi “Thông báo kết quả xác nhận mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu” theo mẫu tại Phụ lục 3 của Thông tư này kèm theo phiếu kết quả thử nghiệm không đạt cho chủ hàng và cơ quan hải quan tại cửa khẩu, trong đó có nội dung sau:

a) Nội dung vi phạm;

b) Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, thành phố được chỉ định đưa ra các biện pháp xử lý lô hàng không đạt cho Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm tham khảo và lựa chọn.

Điều 13. Các biện pháp xử lý hàng hóa không đạt yêu cầu nhập khẩu

1. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm có các mặt hàng không đạt có trách nhiệm báo cáo Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, thành phố được chỉ định sau khi hoàn tất hồ sơ xử lý đối với mặt hàng không đạt.

2. Trường hợp tái xuất, sau khi tái xuất Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm phải nộp chứng từ tái xuất cho Tổ chức kiểm tra, Cơ quan Hải quan và Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, thành phố được chỉ định để hoàn tất hồ sơ.

3. Trường hợp tiêu hủy lô sản phẩm không đạt, Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm phải có:

a) Hợp đồng với cơ quan xử lý việc tiêu hủy;

b) Biên bản xác nhận của cơ quan quản lý môi trường hoặc thanh tra Sở Y tế nơi tiến hành các việc trên về thời gian, địa điểm và phương pháp, nội dung thực hiện việc tiêu hủy đó.

4. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng, Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm phải có:

a) Hợp đồng chuyển mục đích sử dụng với tổ chức có pháp nhân có thể sử dụng sản phẩm không đạt;

b) Hóa đơn mua bán hoặc giấy chuyển nhượng giữa hai bên.

5. Trường hợp tái chế, Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm phải báo cáo biện pháp tái chế và địa chỉ thương nhân tái chế cho tổ chức kiểm tra và chỉ tiến hành tái chế khi có sự chấp thuận của tổ chức kiểm tra. Sau khi tái chế, Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm làm công văn đề nghị tổ chức kiểm tra kiểm tra lô hàng đã được tái chế để tổ chức kiểm tra xử lý trong các trường hợp sau:

a) Nếu lô hàng đạt yêu cầu nhập khẩu sau khi tái chế, Cục An toàn thực phẩm cấp Giấy xác nhận hàng hoá nhập khẩu đạt yêu cầu nhập khẩu sau khi tái chế, trong đó ghi rõ "lô hàng đạt yêu cầu nhập khẩu sau khi tái chế" để tiêu thụ trên thị trường Việt Nam.

b) Nếu lô hàng vẫn không đạt yêu cầu nhập khẩu sau khi tái chế, Cục An toàn thực phẩm thông báo lô hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu sau khi tái chế và chỉ định cơ quan giám sát việc chủ hàng tái xuất, tiêu hủy lô hàng hoặc chuyển không sử dụng làm thực phẩm như đã quy định tại khoản 2, 3 và 4 của Điều này.

Chương IV

PHÍ KIỂM TRA

Điều 14. Nộp phí, lệ phí kiểm tra, thử nghiệm

Thương nhân phải nộp phí, lệ phí kiểm tra, thử nghiệm theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính cho tổ chức kiểm tra trước khi được cấp một trong các Thông báo kết quả kiểm tra.

Điều 15. Quản lý phí, lệ phí kiểm tra, thử nghiệm

Việc quản lý phí, lệ phí kiểm tra, kiểm nghiệm được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức kiểm tra

1. Xác nhận giấy Đăng ký kiểm tra cho chủ hàng.

2. Tiến hành kiểm tra, lấy mẫu tại địa điểm tập kết. Người thực hiện lấy mẫu phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm

3. Thực hiện việc kiểm tra trong phạm vi được chỉ định và gửi Thông báo kết quả kiểm tra đúng thời gian quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

4. Lưu mẫu thực phẩm theo thời hạn quy định trong tiêu chuẩn về phương pháp thử hoặc văn bản tương tự đối với thực phẩm đó để thử nghiệm lại khi có yêu cầu. Hết thời hạn nói trên, tổ chức kiểm tra thông báo cho thương nhân đến nhận lại mẫu hoặc lập biên bản thanh lý đối với các thực phẩm đã hết thời hạn lưu.

5. Bảo đảm trình độ chuyên môn, tính chính xác, trung thực và khách quan khi kiểm tra, xác nhận an toàn thực phẩm đối với các lô hàng thực phẩm nhập khẩu. Tuân thủ chặt chẽ các quy định về quy trình lấy mẫu, kiểm tra, kiểm nghiệm.

6. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra và hướng dẫn về tổ chức và nghiệp vụ của Bộ Y tế.

7. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của thương nhân đối với việc kiểm tra an toàn thực phẩm do mình tiến hành. Chịu trách nhiệm về những sai sót trong quá trình kiểm tra. Nếu gây thiệt hại cho thương nhân thì cơ quan kiểm tra phải hoàn trả toàn bộ phí kiểm nghiệm, phí kiểm tra, đồng thời còn phải bồi thường thiệt hại cho thương nhân nhập khẩu theo quy định của Pháp luật

8. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra và xuất trình hồ sơ lưu trữ khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

9. Báo cáo hằng tháng, sau mười (10) ngày của cuối mỗi tháng, các tổ chức kiểm tra gửi báo cáo về Cục An toàn thực phẩm theo các nội dung sau:

- a) Danh sách các chủ hàng và loại thực phẩm nhập khẩu đã qua kiểm tra;
- b) Số lượng, khối lượng, giá trị hàng hóa được kiểm tra;
- c) Số lượng mặt hàng, khối lượng các lô thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu kèm nội dung không đạt;
- d) Số lượng mặt hàng, khối lượng các lô thực phẩm áp dụng phương thức kiểm tra thông thường, kiểm tra chặt.
- e) Số lô hàng không đảm bảo theo đúng thời gian quy định, nguyên nhân;
- f) Tình hình khiếu nại của thương nhân (nếu có).

10. Tổ chức kiểm tra không thực hiện việc báo cáo định kỳ hằng tháng trong 2 tháng liên tục thì Bộ Y tế có thể tạm thời đình chỉ nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra về an toàn thực phẩm.

11. Các tổ chức kiểm tra có trách nhiệm thông báo cho Bộ Y tế khi:

- a) Thay đổi phạm vi kiểm tra;
- b) Thay đổi, bổ sung trụ sở làm việc;
- c) Tạm thời ngừng hoặc chấm dứt hoạt động.

Điều 17. Quyền hạn của tổ chức kiểm tra

1. Yêu cầu chủ hành cung cấp tài liệu liên quan đến lô hàng nhập khẩu

2. Ra vào nơi lưu giữ, bảo quản và phương tiện vận chuyển thực phẩm để kiểm tra và lấy mẫu.

3. Tiến hành kiểm tra thực phẩm theo phương thức và thủ tục được quy định tại Thông tư này.

4. Giám sát việc xử lý các lô hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu sau khi có ý kiến của Cục An toàn thực phẩm.

7. Thu phí, lệ phí kiểm tra, kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ hàng

1. Trước khi làm thủ tục hải quan, chủ hàng phải đăng ký kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm với tổ chức kiểm tra theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 của Thông tư này.

2. Sau khi lô hàng được làm thủ tục khai báo Hải quan, chủ hàng phải đảm bảo nguyên trạng niêm phong của Hải quan cùng bộ hồ sơ hải quan đã làm thủ tục hải quan và Giấy đăng ký kiểm tra theo quy định để tổ chức kiểm tra thực hiện việc kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm tại đúng địa điểm mà chủ hàng đã đăng ký với tổ chức kiểm tra.

3. Chỉ được phép đưa thực phẩm nhập khẩu vào sử dụng, lưu thông khi đáp ứng quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

4. Phải thực hiện quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tổ chức kiểm tra quy định tại Thông tư này nếu hàng hoá không đạt yêu cầu theo như hồ sơ đã công bố.

5. Không được dùng hồ sơ công bố của tổ chức, cá nhân khác để nhập khẩu sản phẩm thực phẩm nếu không có giấy tờ ủy quyền nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 19. Quyền hạn của chủ hàng

1. Yêu cầu tổ chức kiểm tra thực hiện đúng các phương thức kiểm tra đã quy định.

2. Yêu cầu tổ chức kiểm tra xác nhận điều kiện áp dụng phương thức kiểm tra giảm theo Mục c, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 8 của Thông tư này.

3. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo lô hàng/mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu, chủ hàng có thể đề nghị tổ chức kiểm tra sản phẩm của mình xem xét lại kết quả kiểm tra hoặc tái kiểm tra.

a) Nếu kết quả tái kiểm tra trái với kết quả kiểm tra lần đầu, chủ hàng không phải trả chi phí cho việc tái kiểm tra đó.

b) Nếu kết quả tái kiểm tra phù hợp với kết quả kiểm tra lần đầu, chủ hàng phải chịu chi phí cho việc tái kiểm tra đó.

4. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá có quyền đề nghị bằng văn bản một trong các biện pháp xử lý đối với lô hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu như sau:

- a) Tái chế.
- b) Chuyển mục đích sử dụng (không sử dụng làm thực phẩm sau khi sửa lại nội dung ghi nhãn).
- c) Tái xuất.
- d) Tiêu hủy.

5. Chủ hàng có thể đề nghị Cục An toàn thực phẩm xác nhận hàng hoá được áp dụng được áp dụng phương thức kiểm tra giảm nếu đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.

6. Chủ hàng khi nghi ngờ kết quả kiểm tra, có quyền đề nghị gửi mẫu đến một cơ quan kiểm định độc lập ở trong nước hoặc ngoài nước kiểm định lại để Cục An toàn thực phẩm xem xét.

Điều 20. Trách nhiệm của Cục An toàn thực phẩm

1. Cấp “Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu”.

2. Quyết định và hướng dẫn các biện pháp xử lý đối với các lô hàng nhập khẩu không đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm.

3. Chỉ định các Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, thành phố tham gia thực hiện việc kiểm tra nhà nước cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu.

4. Chỉ định các tổ chức, đơn vị kỹ thuật, nghiên cứu của nhà nước tham gia thực hiện chức năng kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá đối với thực phẩm nhập khẩu.

5. Định kỳ hằng năm kiểm tra năng lực chuyên môn của các tổ chức kiểm tra, tạm thời đình chỉ, mở rộng hoặc hạn chế phạm vi hoạt động của các cơ quan kiểm tra.

6. Đề xuất với Bộ Y tế có thể tạm thời đình chỉ nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với tổ chức kiểm tra không thực hiện việc báo cáo định kỳ hằng tháng trong 2 lần liên tục.

7. Giải quyết các kiến nghị của chủ hàng, tổ chức kiểm tra nhà nước và đề xuất Thanh tra Bộ Y tế xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

8. Định kỳ hằng năm, Cục An toàn thực phẩm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Y tế các vấn đề liên quan tới công tác kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu, đồng thời đề xuất các biện pháp quản lý cho phù hợp với từng thời kỳ.

Chương VI

KIỂM TRA THỰC PHẨM XUẤT KHẨU

Điều 21. Điều kiện đối với sản phẩm xuất khẩu

1. Các sản phẩm thực phẩm xuất khẩu phải đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của Việt Nam.

2. Việc đăng ký kiểm tra đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thực hiện theo thoả thuận song phương hoặc đa phương giữa Việt Nam với các nước, tổ chức quốc tế

liên quan hoặc khi chủ hàng xuất khẩu tự đề nghị thực hiện hợp đồng dịch vụ xác nhận an toàn thực phẩm đối với lô hàng, mặt hàng theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

Điều 22. Thủ tục cấp giấy Chứng nhận lưu hành tự do cho sản phẩm thực phẩm và Chứng nhận y tế cho mặt hàng thực phẩm

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm khi có yêu cầu được cấp giấy Chứng nhận lưu hành tự do cho sản phẩm thực phẩm và Chứng nhận y tế cho mặt hàng thực phẩm thì nộp hồ sơ tại Cục An toàn thực phẩm. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ Cục An toàn thực phẩm sẽ cấp giấy Chứng nhận lưu hành tự do cho sản phẩm thực phẩm và Chứng nhận y tế cho mặt hàng thực phẩm.

2. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do cho 01 sản phẩm thực phẩm

a) Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

b) Bản sao hồ sơ công bố hợp quy/phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

3. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận y tế cho 01 (một) mặt hàng:

a) Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận y tế của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm;

b) Bản gốc hoặc công chứng kết quả kiểm nghiệm chất lượng của mặt hàng

Điều 23: Thủ tục cấp các loại giấy chứng nhận, xác nhận theo yêu cầu của nước nhập khẩu

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm khi có yêu cầu được cấp giấy chứng nhận, xác nhận theo yêu cầu của nước nhập khẩu thì nộp hồ sơ tại Cục An toàn thực phẩm. Trong vòng 05 ngày làm việc, khi hồ sơ đầy đủ và phù hợp với các quy định của nhà nước Việt Nam, Cục An toàn thực phẩm sẽ cấp giấy chứng nhận hoặc xác nhận trên.

2. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận, xác nhận theo yêu cầu của nước nhập khẩu

a) Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận, xác nhận theo nội dung mà các nước nhập khẩu yêu cầu của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

b) Bản sao các giấy tờ liên quan đến các nội dung cần chứng nhận, xác nhận.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24: Hiệu lực thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2015.

2. Bãi bỏ các quy định tại quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày 29 tháng 3 năm 2007 của Bộ Y tế Về việc ban hành “Quy chế kiểm tra nhà nước về chất lượng vệ sinh an toàn đối với thực phẩm nhập khẩu”.

3. Trong trường hợp các chủ hàng chưa tham gia vào hệ thống hải quan một cửa thì vẫn thực hiện theo quy định hiện hành cho đến khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 2, Điều 1 của thông tư này cần phản ánh kịp thời về Bộ Y tế để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phụ lục 1:
(Ban hành kèm theo Thông tư số :...../2015/TT-BYT
ngày.... tháng.... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

1. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của chủ hàng:
2. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá:
3. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của thương nhân xuất khẩu:
4. Xuất xứ hàng hoá:
5. Số vận đơn:
6. Số Hợp đồng:
7. Số hoá đơn:
8. Thời gian nhập khẩu dự kiến :
9. Cửa khẩu đi:
10. Cửa khẩu đến:
11. Thời gian kiểm tra :
12. Địa điểm kiểm tra :
13. Dự kiến tên tổ chức kiểm tra :
14. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Mô tả mặt hàng	Ký hiệu mã	Số công bố*	Số lượng	Khối lượng**	Giá trị	Phương thức kiểm tra
1								
.								
Tổng								

** Số công bố: Chính là số trên “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy”; “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” hoặc số và ngày cấp của: “Công văn xác nhận danh mục nguyên liệu thực phẩm/ bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ phụ gia thực phẩm/chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp”; “Công văn xác nhận danh mục sản phẩm thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm kinh doanh trong siêu thị, khách sạn bốn sao trở lên”.*

*** Khối lượng khai báo là khối lượng tịnh*

Chủ hàng (Ký tên đóng dấu)	Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (ký tên đóng dấu)
Ngày..... tháng năm	Ngày..... tháng năm

Phụ lục 2:
 (Ban hành kèm theo Thông tư số :...../2015/TT-BYT
 ngày.... tháng.... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
**THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÁC NHẬN THỰC PHẨM ĐẠT/KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU
 NHẬP KHẨU**

1. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của chủ hàng:
2. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá:
3. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của thương nhân xuất khẩu:
4. Xuất xứ hàng hoá:
5. Số vận đơn:
6. Số Hợp đồng:
7. Số hoá đơn:
8. Cửa khẩu đi:
9. Cửa khẩu đến:
10. Thời gian kiểm tra:
11. Địa điểm kiểm tra:
12. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Mô tả mặt hàng	Ký hiệu mã	Số công bố*	Phương thức kiểm tra	Xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu	Xác nhận thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu	Lý do không đạt
1								
.								
Tổng								

**Số công bố: Chính là số trên “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy”; “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” hoặc số và ngày cấp của: “Công văn xác nhận danh mục nguyên liệu thực phẩm/ bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ phụ gia thực phẩm/chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp”; “Công văn xác nhận danh mục sản phẩm thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm kinh doanh trong siêu thị, khách sạn bốn sao trở lên”.*

<p>Nơi nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thương nhân nhập khẩu:.....; - Hải quan cửa khẩu:.....; - Tổ chức kiểm tra..... 	<p>Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (ký tên đóng dấu)</p> <p>Ngày..... tháng năm</p>
---	---

Phụ lục 3:
 (Ban hành kèm theo Thông tư số :...../2015/TT-BYT
 ngày.... tháng.... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
TÊN TỔ CHỨC KIỂM TRA
THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của chủ hàng:
2. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá:
3. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax, Email của thương nhân xuất khẩu:
4. Xuất xứ hàng hoá:
5. Số vận đơn:
6. Số Hợp đồng:
7. Số hoá đơn:
8. Cửa khẩu đi:
9. Cửa khẩu đến:
10. Thời gian kiểm tra:
11. Địa điểm kiểm tra:
12. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Mô tả mặt hàng	Ký hiệu mã	Số công bố*	Phương thức kiểm tra	Kiểm tra đạt	Kiểm tra không đạt	Lý do không đạt
1								
2								
3								
.								
.								
Tổng								

**Số công bố: Chính là số trên “Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy”; “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” hoặc số và ngày cấp của: “Công văn xác nhận danh mục nguyên liệu thực phẩm/ bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ phụ gia thực phẩm/chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp”; “Công văn xác nhận danh mục sản phẩm thực phẩm nhập khẩu chỉ nhằm kinh doanh trong siêu thị, khách sạn bốn sao trở lên”.*

<p>Nơi nhận: - Cục An toàn thực phẩm hoặc các Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm được chỉ định</p>	<p>TỔ CHỨC KIỂM TRA (ký tên đóng dấu)</p> <p>Ngày..... tháng năm</p>
---	--

Phụ lục 4
(Ban hành kèm theo Thông tư số :...../2015/TT-BYT
ngày.... tháng.... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên tổ chức kiểm tra

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

Về thực hiện kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu

Từ ngày.../.../.... đến/...../.....

Tên tổ chức được chỉ định kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số fax:

Tên cán bộ lập báo cáo:

Điện thoại:

I. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

* Thông tin chung:

TT	Nội dung	Số lượng	%
1	Tổng số lô hàng kiểm tra nhà nước		
2	Tổng số lô hàng/mặt hàng đạt yêu cầu nhập khẩu		
3	Tổng số lô hàng/mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu		
4	Tổng số lô hàng/mặt hàng kiểm tra thông thường		
5	Tổng số lô hàng/mặt hàng kiểm tra giảm		
6	Tổng số lô hàng/mặt hàng kiểm tra chặt		
7	Tổng số lô hàng kiểm tra không đảm bảo thời gian quy định		

* Tổng số phí thu được:

* Báo cáo các lô hàng thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu:

TT	Tên và nhóm thực phẩm	Số lượng	Nguồn gốc - xuất xứ	Năm nhập khẩu
1	2	3	4	5

* Báo cáo các lô hàng thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu:

TT	Tên và địa	Tên và	Nguồn gốc	Lý do	Biện pháp	Ghi chú

	chỉ công ty	nhóm thực phẩm	– xuất xứ	không đạt	đã xử lý	
1		2	3	4	5	6

* Số liệu phân loại nhóm sản phẩm trong lô hàng:

TT	Lô hàng	01 nhóm hàng	02 nhóm hàng	03 nhóm hàng	04 nhóm hàng	≥ 05 nhóm hàng
	Tổng số lô					
	Số lô đạt yêu cầu NK					
	Số lô không đạt yêu cầu NK					

II. KIẾN NGHỊ: (Nêu rõ những khó khăn, bất cập và kiến nghị cụ thể).

**Đại diện tổ chức kiểm tra nhà nước
(Ký tên và đóng dấu)**

Ghi chú: Các nhóm ở cột 2: theo Codex

- Sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Dầu, mỡ và mỡ thể nhũ tương;
- Nước đá, nước hoa quả ướp lạnh, kem trái cây;
- Rau, củ, quả;
- Kẹo các loại;
- Ngũ cốc, sản phẩm của ngũ cốc;
- các loại bánh nướng;
- Thịt và các sản phẩm từ thịt (gồm thịt gia cầm và thị thú);
- Thủy sản và các sản phẩm thủy sản (gồm cả nhuyễn thể, giáp xác, da gai);
- Trứng và các sản phẩm từ trứng;
- Chất ngọt gồm đường, xi rô, mật ong;
- Muối, gia vị, viên súp, dầu trộn xa lát, gia vị protein;
- Thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt;
- Đồ uống trừ đồ uống từ sữa;
- Thực phẩm ăn ngay có hàm lượng muối cao;
- Thực phẩm hỗn hợp;
- Phụ gia thực phẩm các loại.

Phụ lục 8
Mẫu giấy Chứng nhận y tế
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2015/TT-BYT ngày tháng năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

MINISTRY OF HEALTH OF VIET
NAM

**VIETNAM FOOD
ADMINISTRATION**

Number: /ATTP-SP

**SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

Hanoi,

HEALTH CERTIFICATE

Basing on the Test results No dated of, Vietnam
Food Administration has certified:

Name of product:

Lot number/Manufacture date and expiry date:

Product of/Manufactured by/Export by

This above product has complied with current regulations on food safety, fits for
human consumption.

DIRECTOR GENERAL